

Số: *1122* /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày *08* tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc
sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm
2007;*

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 18/5/2018 của Bộ
Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về truy xuất
nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không bảo đảm an toàn;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/01/2011 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc và thu hồi
sản phẩm không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thủy
sản;*

*Căn cứ Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 14/8/2020 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đắk Nông về triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019
của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống
truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
20/TTr-SKHHCN ngày 29 tháng 6 năm 2022.*



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, VX, TH, NNTNMT_(va).

2

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Trọng Yên**

QUY CHẾ

Quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số *M22/QĐ-UBND* ngày *08* tháng 7 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Quy chế) quy định việc quản lý, sử dụng phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, Ban, ngành và các đơn vị trực thuộc có liên quan (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa (sau đây gọi chung là cấp huyện).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
- Đơn vị cung cấp giải pháp (Trung tâm Doanh Nghiệp Hội nhập và Phát triển (IDE)).
- Cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông*: Sử dụng hệ thống phần mềm trên môi trường web kết nối mạng internet có các tính năng cho phép tiếp nhận cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc đã được số hóa của chuỗi cung ứng hoặc chuỗi liên kết, dịch vụ (từ khâu sản xuất đến khâu phân phối lưu thông trên thị trường). Dữ liệu được lưu trữ online và offline. Sử dụng mã QR- code là vật mang dữ liệu của bộ mã truy vết (Sau đây gọi tắt là: *Phần mềm truy xuất*).

2. *Sản phẩm*: Là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng.

3. *Hàng hoá*: Là sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, tiếp thị.

4. *Cơ sở*: Là cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

5. *Người sử dụng*: Là cơ quan, tổ chức, cá nhân truy cập vào phần mềm để thực hiện các hoạt động: Quản trị, cập nhật, phê duyệt, quản lý, khai thác hoặc sử dụng thông tin. Mỗi người sử dụng được cấp một loại tài khoản duy nhất.

Điều 4. Địa chỉ truy cập phần mềm

Địa chỉ truy cập phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông: <https://txng.daknong.gov.vn>.

Điều 5. Đảm bảo an toàn thông tin

Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng phần mềm có trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin cho phần mềm theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHẦN MỀM

Điều 6. Quản lý và sử dụng phần mềm

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chung, cao nhất trong việc quản lý, sử dụng phần mềm.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông.

- Vận hành Tài khoản hệ thống cấp Tỉnh. Chức năng gồm: Xem lịch sử truy cập các tài khoản, tạm dừng hoạt động tài khoản trong phạm vi quản lý, thay đổi thông tin tác nhân của tài khoản; báo cáo, thống kê số lượng tổ chức cá nhân đăng ký tham gia của toàn hệ thống.

- Vận hành tài khoản của Sở Khoa học và Công nghệ. Chức năng gồm: Xem lịch sử truy cập các tài khoản, tạm dừng hoạt động tài khoản trong phạm vi quản lý, thay đổi thông tin tác nhân của tài khoản; Báo cáo, thống kê số lượng doanh nghiệp đăng ký tham gia theo các điều kiện; Kiểm tra các thông tin trên hệ thống khi tài khoản vận hành đưa nội dung lên hệ thống, cho phép chấp nhận hoặc không chấp nhận nội dung công việc; quản lý thông tin các tổ chức, cá nhân; quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc sản phẩm của các tổ chức, cá nhân; Tiếp nhận yêu cầu từ các tổ chức, cá nhân, thêm mới tổ chức, cá nhân tham gia hệ thống truy xuất; thu hồi, cảnh báo sản phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm.

2. Nhóm tài khoản cấp tỉnh gồm: Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Mỗi Sở, ban được cấp 01 tài khoản duy nhất. Trường hợp cần phát sinh thêm tài khoản đơn vị, phòng ban trực thuộc, cần có văn bản đề nghị về Sở Khoa học và Công nghệ để được tạo lập và cấp phát.

- Chức năng tài khoản gồm: Xem lịch sử truy cập các tài khoản, tạm dừng hoạt động tài khoản trong phạm vi quản lý, thay đổi thông tin tác nhân của tài khoản; báo cáo, thống kê số lượng tổ chức cá nhân đăng ký tham gia theo các điều kiện; quản lý thông tin doanh nghiệp; quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc sản phẩm; duyệt đăng các công việc được gửi từ cấp huyện và doanh nghiệp; Tiếp nhận yêu cầu từ các tổ chức, cá nhân, thêm mới tổ chức, cá nhân tham gia hệ thống truy xuất thuộc thẩm quyền quản lý; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm.

3. Tài khoản cấp huyện, thị xã, thành phố

- Mỗi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố được cấp 04 tài khoản (01 tài khoản quản trị chung và 03 tài khoản riêng cho từng lĩnh vực Nông nghiệp, Y tế, Công Thương). Trường hợp cần phát sinh thêm tài khoản đơn vị, phòng ban trực thuộc, cần có văn bản đề nghị về Sở Khoa học và Công nghệ để được tạo lập và cấp phát.

- Chức năng gồm: Xem lịch sử truy cập các tài khoản, tạm dừng hoạt động tài khoản trong phạm vi quản lý, thay đổi thông tin tác nhân của tài khoản; Báo cáo, thống kê số lượng doanh nghiệp đăng ký tham gia theo các điều kiện; Kiểm tra các thông tin trên hệ thống khi tài khoản vận hành đưa nội dung lên hệ thống, cho phép chấp nhận hoặc không chấp nhận nội dung công việc; Tiếp nhận yêu cầu từ các tổ chức, cá nhân, thêm mới tổ chức, cá nhân tham gia hệ thống truy xuất; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm an toàn thực phẩm.

4. Tài khoản cấp xã, phường, thị trấn

+ Mỗi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được cấp 01 tài khoản duy nhất.

+ Chức năng gồm: Xem lịch sử truy cập các tài khoản, tạm dừng hoạt động tài khoản trong phạm vi quản lý, thay đổi thông tin tác nhân của tài khoản; Báo cáo, thống kê số lượng cơ sở đăng ký tham gia theo các điều kiện; Kiểm tra các thông tin trên hệ thống khi tài khoản vận hành đưa nội dung lên hệ thống, cho phép chấp nhận hoặc không chấp nhận nội dung công việc; Tiếp nhận yêu cầu từ cơ sở sản xuất kinh doanh, thêm mới cơ sở tham gia hệ thống; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm an toàn thực phẩm.

5. Tài khoản cơ sở sản xuất, kinh doanh:

- Tài khoản của cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia Phần mềm truy xuất do Cơ quan quản lý trực tiếp cấp.

- Chức năng gồm: Quản lý, tạm dừng hoạt động tài khoản, thay đổi thông tin tác nhân của tài khoản; Cập nhật thông tin sản phẩm, tạo yêu cầu cấp mã tem cho cơ quan chức năng, cập nhật thông tin lô mã; Thông tin sản phẩm theo từng sản phẩm cụ thể được đảm nhận; cập nhật thông tin truy xuất nguồn gốc; quản lý truy xuất nguồn gốc; Báo cáo có chức năng báo cáo, thống kê số lượng tem, số lượng người truy xuất của cơ sở; thay đổi thông tin trạng thái của tem gắn trên sản phẩm; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm an toàn thực phẩm.

6. Người tiêu dùng

- Người tiêu dùng có thể truy cập vào cổng thông tin điện tử hệ thống để tìm kiếm thông tin truy xuất nguồn gốc như thông tin về sản phẩm, thông tin/ hồ sơ pháp lý của các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh để đưa ra các quyết định đặt mua hàng online hoặc trực tiếp liên hệ với cơ sở sản xuất kinh doanh bằng việc kết nối điện thoại, zalo, email, website, facebook....

- Bằng việc sử dụng APP CheckVN hoặc bất kỳ ứng dụng quét mã Qr-code trên điện thoại smartphone, Người tiêu dùng có thể truy xuất thông tin nguồn gốc sản phẩm của các cơ sở sản xuất kinh doanh đã được kiểm duyệt và kiểm soát bởi các cơ quan chức năng thông qua những con tem/ mã được sinh ra từ hệ thống.

- Thao tác quét mã đơn giản, hoàn toàn miễn phí, trả kết quả tức thì, ứng dụng quét mã QR-code đơn giản, phổ biến.

Điều 7. Nội dung dữ liệu thông tin đăng tải lên phần mềm

Nội dung dữ liệu thông tin được thể hiện bằng chữ viết, lời nói, hình ảnh với dung lượng phù hợp, đảm bảo giới thiệu đầy đủ, chi tiết thông tin đăng tải trên phần mềm, các thông tin cơ bản gồm:

1. Thông tin của cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ gồm:

- Đối với các cơ sở hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật HTX, hộ kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc giấy chứng nhận phù GAP, HACCP, ISO, ASC, Organic ...

- Các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Bản cam kết sản xuất, kinh doanh an toàn...

2. Thông tin truy xuất về sản phẩm, hàng hóa của các cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Thông tin quá trình của sản phẩm trong một công đoạn phải bảo đảm đủ điều kiện để truy xuất bước trước và bước sau. Các thông tin gồm:

- Tên sản phẩm;
- Hình ảnh sản phẩm;

- Tem nhãn sản phẩm;
- Nguồn gốc nguyên liệu, sản phẩm (bằng các hợp đồng mua bán);
- Các cảnh báo khi sử dụng sản phẩm;
- Các thông tin liên quan đến chuỗi để tạo thành sản phẩm gồm: Quá trình sản xuất ban đầu (trồng trọt, nuôi trồng, thu hái, đánh bắt, khai thác); công đoạn sơ chế chế biến; công đoạn lưu thông phân phối;
- Bản công bố/tự công của sản phẩm, giấy chứng nhận OCOP...
- Thông tin nhật ký thực hành sản xuất, cho phép hiển thị chi tiết lô sản xuất, thửa đất, con giống...
- Các thông tin khác liên quan đến sản phẩm;
- Tin tức, văn bản liên quan về an toàn thực phẩm.

Điều 8. Quy trình cập nhật, đăng tải, phê duyệt, hủy bỏ thông tin trên phần mềm

1. Tài khoản từ cấp tỉnh đến cấp huyện

- Đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về ATTP thuộc thẩm quyền quản lý lên Phần mềm truy xuất.
- Cập nhật các tài liệu thuộc cơ quan phát hành, tiếp nhận liên quan đến cơ sở sản xuất, kinh doanh gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP/Bản cam kết ATTP, bản công bố/tự công bố của sản phẩm, giấy chứng nhận OCOP, hợp chuẩn/hợp quy của sản phẩm...
- Tiếp nhận xử lý thông tin liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về ATTP, truy xuất, kết nối tiêu thụ do chủ cơ sở đăng tin lên Phần mềm truy xuất.
- Cấp và quản lý tài khoản của cơ sở sản xuất, kinh doanh của đơn vị quản lý trực tiếp. Kiểm duyệt thông tin của cơ sở cập nhật lên Phần mềm truy xuất.
- Hủy bỏ các thông tin thông tin đăng tải lên phần mềm truy xuất khi bị vi phạm về sở hữu trí tuệ, thông tin thiếu chính xác, thông tin không có căn cứ pháp lý,...
- Thực hiện các nội dung khác liên quan đến Phần mềm truy xuất.

2. Tài khoản của cơ sở sản xuất, kinh doanh

Chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp nhận tài khoản sử dụng Phần mềm truy xuất do cơ quan quản lý nhà nước cấp.
- Phải thực hiện cập nhật các tài liệu liên quan đến hoạt động an toàn thực phẩm, truy xuất của cơ sở lên Phần mềm truy xuất.
- Được phép đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, quảng bá kết nối giao thương của cơ sở phù hợp theo yêu cầu của pháp luật.
- Sử dụng tính năng của Phần mềm truy xuất để phản ánh các hành vi vi

phạm theo quy định đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc đến cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện các nội dung khác liên quan đến Phần mềm truy xuất.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh các hoạt động Phần mềm truy xuất.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung, thông tin trên phần mềm.

3. Cấp, thu hồi tài khoản người quản lý; phân quyền, phân nhóm, gán tài khoản đăng nhập cho người sử dụng; cập nhật các danh mục, các thông tin cấu hình trên phần mềm theo nội dung đã được phê duyệt.

4. Giám sát, theo dõi, kiểm tra các thông tin, bài viết, văn bản, dữ liệu được cập nhật trên phần mềm; hủy thông tin, bài viết vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục, vi phạm Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

5. Tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về an toàn thực phẩm trên hệ thống đến các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

6. Cập nhật tin tức hoạt động, văn bản pháp luật về truy xuất lên hệ thống. Cập nhật, bổ sung các tham số danh mục hệ thống, tham số báo cáo thống kê trên phần mềm.

7. Phối hợp với đơn vị tư vấn:

- Điều chỉnh bổ sung các tính năng mới phù hợp với yêu cầu quản lý về truy xuất của tỉnh;

- Trao đổi và tích hợp thông tin dữ liệu của hệ thống phần mềm này với các hệ thống phần mềm liên quan.

- Hỗ trợ cập nhật thông tin các cơ sở sản xuất, kinh doanh lên phần mềm truy xuất.

8. Định kỳ, đột xuất tổng hợp thông tin, số liệu của Phần mềm truy xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

1. Phân công lãnh đạo, công chức và chỉ đạo đơn vị trực thuộc sử dụng phần mềm.

2. Rà soát, cập nhật, bổ sung, phê duyệt thông tin thuộc thẩm quyền quản lý quy định trong Quy chế này và phê duyệt đánh giá, bình luận của người tiêu

dùng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thực phẩm theo phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm; chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, người tiêu dùng về việc phê duyệt thông tin, đánh giá, bình luận.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ

- Thu hồi, gỡ bỏ hoặc xác nhận lại tài khoản đăng nhập của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đưa thông tin sai lệch hoặc vi phạm các điều kiện an toàn thực phẩm bị người tiêu dùng phản ánh hoặc bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và xử lý vi phạm theo phân công, phân cấp quản lý.

- Khóa, ngăn chặn tài khoản cơ sở sản xuất kinh doanh, tài khoản người tiêu dùng có hành vi cố ý đưa thông tin rác, không phù hợp trên phần mềm.

- Đảm bảo các điều kiện hạ tầng kỹ thuật, máy tính kết nối mạng internet cho cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị tham gia sử dụng phần mềm.

- Báo cáo kịp thời và đầy đủ các sự cố kỹ thuật, đề nghị đơn vị quản lý phần mềm hỗ trợ khắc phục sự cố trong quá trình quản lý, sử dụng phần mềm.

4. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản hướng dẫn sử dụng, vận hành phần mềm của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nội dung liên quan đến Phần mềm truy xuất;

- Chỉ đạo, định hướng các đơn vị truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ thông tin truy xuất nguồn gốc thực phẩm bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả;

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị xây dựng phần mềm kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ kết nối liên thông với Công thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia”.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa

1. Sử dụng, bảo mật tài khoản được cung cấp theo đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Các thông tin đăng tải lên phần mềm phải đảm bảo tính chính xác, trung thực; cam kết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, quy định khi tham gia Phần mềm truy xuất.

3. Phản hồi kịp thời các bình luận, đánh giá của người tiêu dùng phản ánh thông tin về cơ sở, về các sản phẩm do chủ tài khoản đăng tải lên Phần mềm truy xuất.

4. Kịp thời phản ánh các lỗi phát sinh hoặc sự cố kỹ thuật, vướng mắc phát sinh trong quá trình khai thác thông tin trên phần mềm về đơn vị hỗ trợ kỹ thuật.



5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã đăng tải.

Điều 13. Trách nhiệm của người tiêu dùng

1. Chịu trách nhiệm về việc bảo mật tài khoản và các nội dung do tài khoản của mình đăng tải lên phần mềm; thông tin đăng ký tài khoản sử dụng phải xác thực.

2. Kịp thời phản ánh các vi phạm về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh với đơn vị quản lý thông qua chức năng trên phần mềm hoặc thông qua đường dây nóng.

3. Đăng tải các thông tin, đánh giá, bình luận cơ sở, sản phẩm một cách khách quan, trung thực phù hợp với thuần phong mỹ tục, văn hoá Việt Nam.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp phần mềm

- Đảm bảo các tính năng của Phần mềm truy xuất do đơn vị cung cấp hoạt động ổn định.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phát triển mở rộng các tính năng liên quan đến hoạt động truy xuất nguồn gốc phù hợp với yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với Trung tâm Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển (IDE) triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời tổng hợp, tham mưu đề xuất bổ sung cho phù hợp./.

